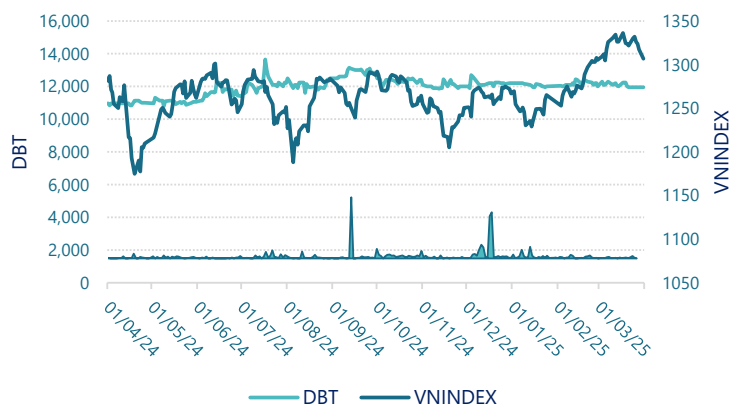


CTCP Dược phẩm Bến Tre (HSX: DBT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,789
SL cổ phiếu LH	20,530,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,360
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	245
P/E	23.3
EPS	513

DT thuần

Q1/25

161

tỷ VNĐ

QoQ: ▼97.0| -37.5%

YoY: ▼24.0| -12.8%

LN sau thuế

Q1/25

2.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.54| -55.4%

YoY: ▼4.07| -66.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.0%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2024

868

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.0| 7.0%

LN sau thuế

2024

12.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.20| -29.8%

ROE

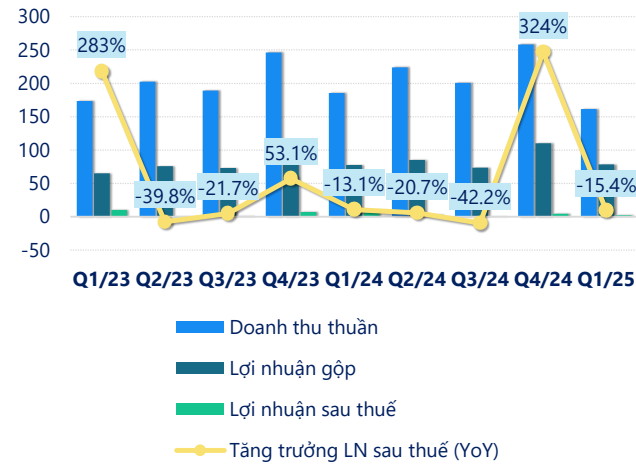
2024

5.5%

+/- YoY: ▼ 1.4%

tỷ VNĐ

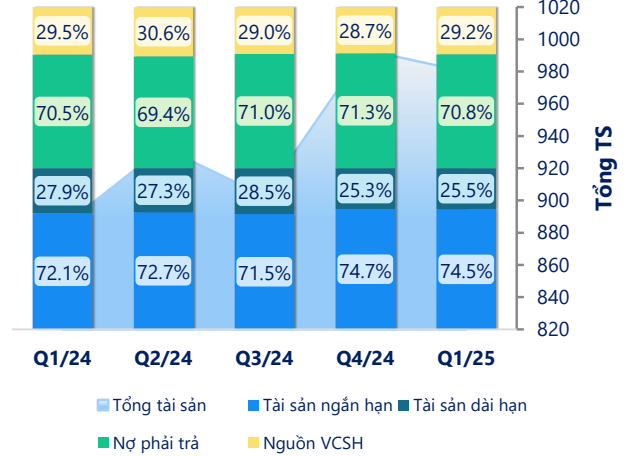
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

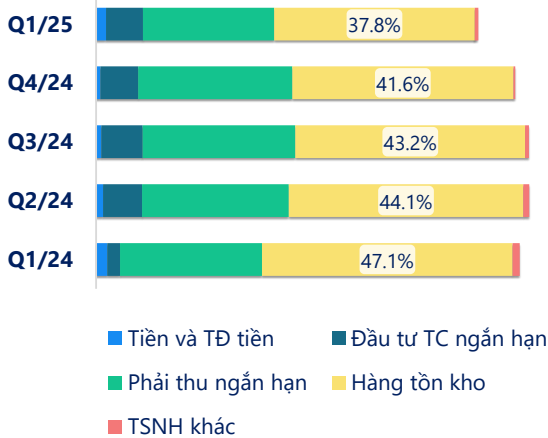
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



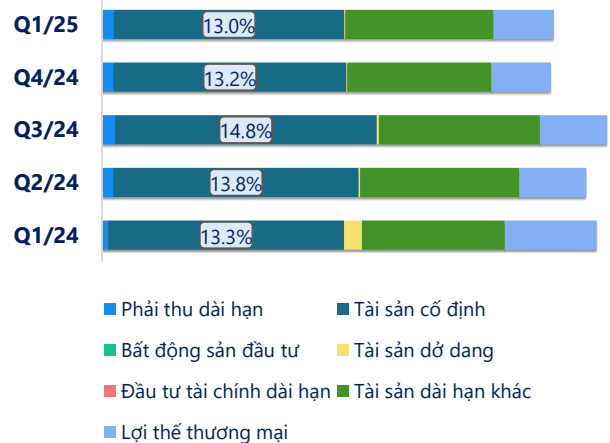
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

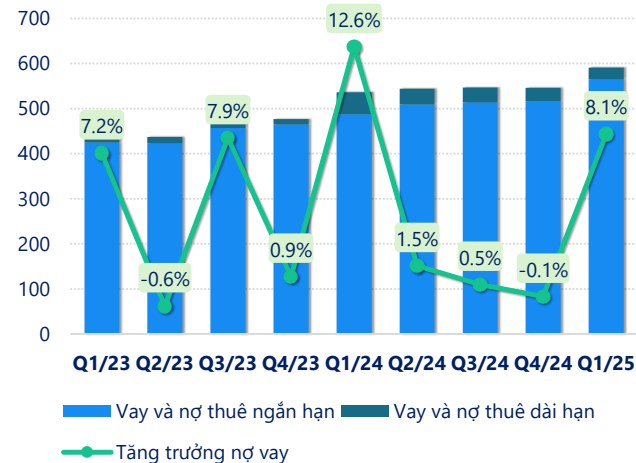
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

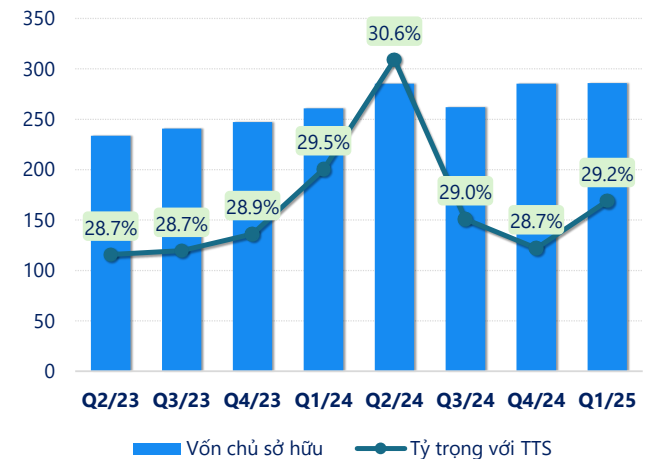
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



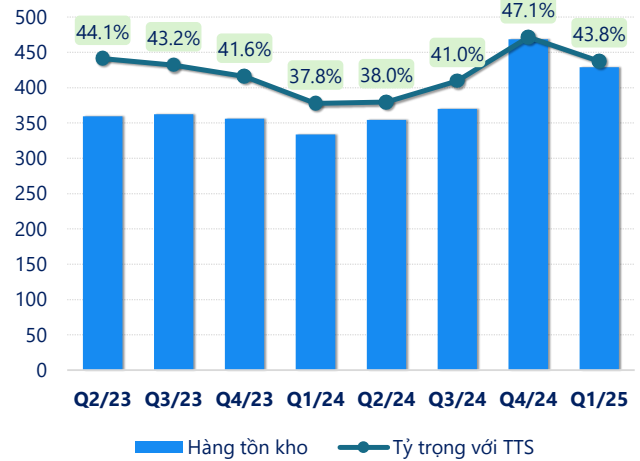
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

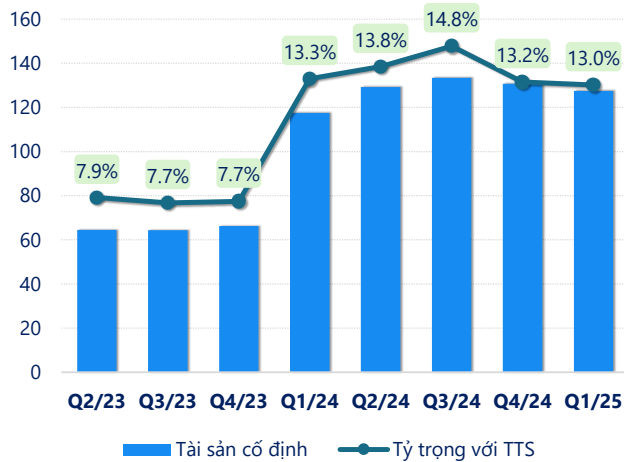

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


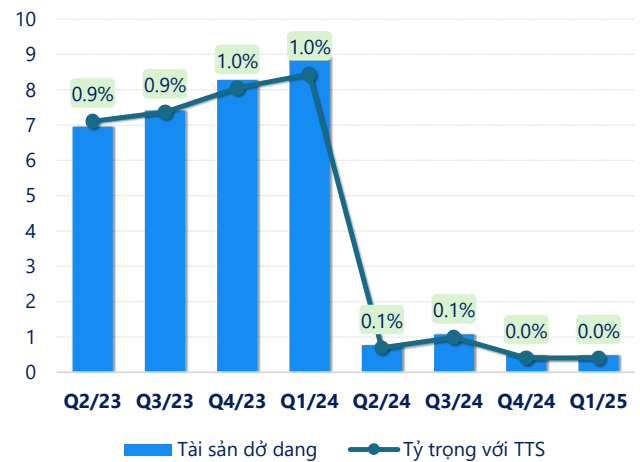
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

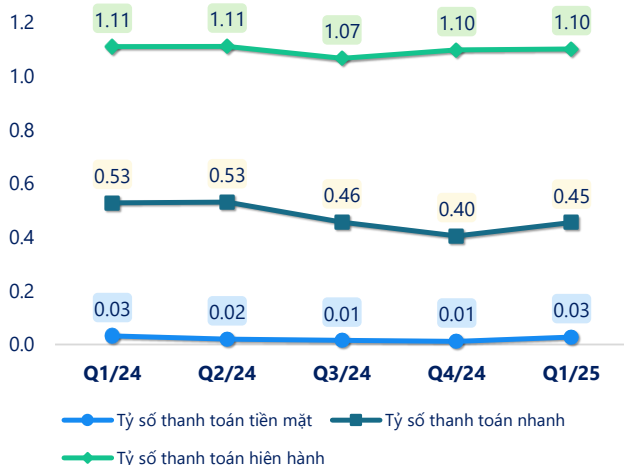
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

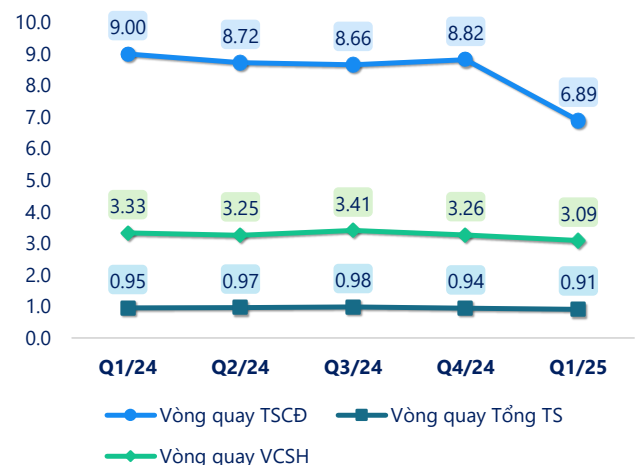
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	884	933	903	993	980
Tài sản ngắn hạn	637	678	645	742	730
Tiền và tương đương tiền	18.3	12.0	9.05	7.86	18.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.1	63.3	64.9	67.4	64.4
Phải thu ngắn hạn	218	245	197	194	211
Hàng tồn kho	334	354	370	468	429
Tài sản ngắn hạn khác	5.74	3.32	4.50	4.09	6.86
Tài sản dài hạn	247	255	257	252	250
Phải thu dài hạn	3.12	5.96	6.54	6.34	6.42
Tài sản cố định	118	129	133	131	128
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.95	0.77	1.07	0.48	0.48
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	71.2	83.7	82.0	80.8	82.0
Lợi thế thương mại	46.0	35.2	34.3	33.3	33.4
Nợ phải trả	623	648	641	708	694
Nợ ngắn hạn	574	611	605	676	663
Vay và nợ thuê ngắn hạn	487	509	513	516	564
Phải trả người bán ngắn hạn	60.5	67.3	62.5	117	74.9
Nợ dài hạn	48.9	37.0	35.5	32.1	30.8
Vay và nợ thuê dài hạn	48.9	34.7	33.4	30.0	26.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	261	285	262	285	286
Vốn chủ sở hữu	261	285	262	285	286
Vốn điều lệ	163	163	186	205	205
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05

(Nguồn: fireant.vn)